TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 276/2026/DS-PT
Ngày: 08 tháng 9 năm 2026
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Hùng

Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 224/2026/TLPT- DS ngày 12 tháng 8 năm 2026 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*; do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2026/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa án ra xét xử số 315/2026/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Lê Thị L, sinh năm 1966; địa chỉ: tổ dân phố G, phường C, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* ông Phạm Văn H, sinh năm 1970 và bà Đinh Thị Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường C, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Đình Q1, sinh năm 1957; địa chỉ: tổ dân phố G, phường C, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của ông Q1*:* bà Lê Thị L, sinh năm 1966; địa chỉ: tổ dân phố G, phường C, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- *Người kháng cáo:* bị đơn bà Đinh Thị Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bà Lê Thị L *trình bày:*

Ngày 01/01/2022, B có cho vợ chồng ông H, bà Q vay số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Ông H có viết giấy biên nhận vay tiền và cả ông H bà Q ký nhận. Lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng với nhau là 2%/tháng, thời hạn trả nợ ghi trong giấy biên nhận là ngày 31/12/2022. Sau khi vay ông H, bà Q đã trả lãi cho bà được 06 tháng với số tiền là 33.000.000 đồng. Kể từ tháng 7/2022 cho đến nay ông H và bà Q chưa thanh toán tiền gốc và lãi cho bà như đã thỏa thuận.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà rút yêu cầu tính lãi xuống còn 20%/năm đối với số tiền ông H, bà Q vay.

Nay bà yêu cầu ông Phạm Văn H và bà Đinh Thị Q phải thanh toán trả cho bà tiền nợ gốc là 300.000.000đ và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi là 20%/năm và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ trên. Ngoài ra bà không còn yêu cầu gì khác.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn H *trình bày:*

Ông thừa nhận ngày 01/01/2022, khi đó ông và bà Đinh Thị Q còn là vợ chồng có vay của bà Lê Thị L số tiền là 300.000.000 đồng là đúng. Lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng với nhau là 2%/tháng, thời hạn trả nợ ghi trong giấy biên nhận là ngày 31/12/2022. Sau khi vay, ông và bà Q đã trả lãi cho bà L được 06 tháng với số tiền là 33.000.000 đồng. Kể từ tháng 7/2022 cho đến nay ông và bà Q chưa thanh toán tiền gốc và lãi cho bà L như đã thỏa thuận do làm ăn kinh tế gặp khó khăn. Số tiền vay bà Q giữ hết, ông chỉ được giữ 10.000.000đ, ông không biết bà Q dùng vào làm việc gì, bà Q không sử dụng vào việc chung gia đình.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông và bà Q phải trả số tiền gốc là 300.000.000 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 01/7/2022 đến nay là 20%/năm ông đồng ý trả cho bà L nhưng chưa có tiền trả ngay theo yêu cầu của bà L, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông và bà Q đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn từ tháng 9/2022, về tài sản, công nợ chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, số tiền bà L yêu cầu, ông đề nghị Tòa án giải quyết ông và bà Q mỗi người phải chịu một nửa. Còn các con của ông và bà Q không liên quan đến số tiền này.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình Q1 *trình bày:*

Ông Q1 có ý kiến trình bày như bà L trình bày, ông yêu cầu ông Phạm Văn H và bà Đinh Thị Q phải thanh tóan trả cho ông và bà L tiền nợ gốc là 300.000.000đ và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi là 20%/năm và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ trên. Ngoài ra ông không còn yêu cầu gì khác

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2026/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L đối với bị đơn ông Phạm Văn H, bà Đinh Thị Q: Buộc ông Phạm Văn H, bà Đinh Thị Q phải trả cho bà Lê Thị L, ông Nguyễn Đình Q1 số tiền nợ gốc là 300.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 16/6/2026 là 234.500.000đ; Tổng cả tiền nợ gốc + tiền lãi là 534.500.000đ (năm trăm ba mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn); cụ thể ông H phải trả là 267.250.000đ, bà Q phải trả là 267.250.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/6/2026, bị đơn bà Đinh Thị Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Bị đơn bà Đinh Thị Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà Q xác định bà có ký giấy vay tiền, tuy nhiên bà chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc 70.000.000 đồng, còn về tiền lãi thì đề nghị xem xét lại về lãi suất. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà chỉ phải trả cho bà L số tiền gốc 70.000.000 đồng, và xem xét lại về lãi suất.

- Nguyên đơn bà Lê Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bà Đinh Thị Q. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn ông Phạm Văn H không đồng ý với kháng cáo của bà Đinh Thị Q. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông xác định số tiền vay của bà L được sử dụng chung trong gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 48/2026/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đinh Thị Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về nội dung vụ án: Theo giấy vay tiền ngày 01/01/2022, bà Lê Thị L có cho ông Phạm Văn H, bà Đinh Thị Q vay số tiền là 300.000.000đ, thời hạn vay là 01 năm đến ngày 31/12/2022, hai bên lập văn bản ký nhận với nhau không thể hiện lãi suất.

Ngoài ra, nguyên đơn bà Lê Thị L cho rằng tuy không thể hiện bằng văn bản nhưng các bên có thỏa thuận miệng lãi suất cho vay là 2%/tháng, bị đơn đã trả được cho nguyên đơn 06 tháng tiền lãi với số tiền 33.000.000 đồng, tính từ ngày 01/7/2022 thì bị đơn không còn trả nữa. Bị đơn ông Phạm Văn H thừa nhận có việc vay tiền của bà L và có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, bị đơn đã trả nguyên đơn được tiền lãi 06 tháng như bà L đã trình bày là đúng. Nhưng do làm ăn khó khăn nên chưa có tiền để trả theo như các bên đã thương lượng.

[2.2] Xét giấy vay tiền ngày 01/01/2022 được các bên giao kết tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; các bên giao kết có đủ năng lực hành vi dân sự; thỏa thuận các bên đương sự giao kết không vi phạm điều cấm, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, có căn cứ để xác định ông Phạm Văn H, bà Đinh Thị Q có vay của bà Lê Thị L số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022, lãi suất 2%/tháng; ông H và bà Q đã trả cho bà L tổng số tiền lãi là 33.000.000 đồng (06 tháng).

[2.3] Bà Q cho rằng bà có ký vào giấy vay tiền nhưng số tiền vay trên bà không được sử dụng. Tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy tháng 01/2022 ông H và bà Q vẫn là vợ chồng hợp pháp, đến tháng 09/2022 mới ly hôn; ngoài ra bà Q cũng trực tiếp ký vào giấy vay tiền, nên có đủ căn cứ xác định đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Q xác định bà chỉ có trách nhiệm trả cho bà L số tiền gốc 70.000.000 đồng, số tiền còn lại ông H có trách nhiệm trả cho bà L. Ông H không đồng ý với quan điểm của bà Q. Giữa bà Q và ông H không có thỏa thuận xác định trách nhiệm của ông H và bà Q phải trả nợ là bao nhiêu nên xác định đây là công nợ chung của bà Q và ông H.

[2.4] Căn cứ quy định lãi suất vay do các bên thỏa thuận thì: *"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác".*

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L chỉ yêu cầu bị đơn phải thanh toán lãi suất 20%/năm tính từ ngày vay là thấp hơn mức lãi suất đã thỏa thuận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Tính từ ngày vay đến ngày 16/6/2026 là 04 năm 05 tháng 15 ngày. Mức lãi suất 20%/năm, 1 tháng = 1,66666%/, 1 ngày = 0,05555%.

Số tiền vay 300.000.000đ x 20% x 04 năm = 240.000.000đ;

Số tiền vay 300.000.000đ x 1,66666% x 05 tháng = 25.000.000đ (làm tròn);

Số tiền vay 300.000.000đ x 0,05555% x 15 ngày = 2.500.000đ (làm tròn);

Tổng tiền lãi là 264.500.000 đồng.

Do các bên đều thừa nhận bị đơn đã trả được nguyên đơn 6 tháng tiền lãi với số tiền 33.000.000đ; do đó, số tiền lãi đã trả cho nhau được trừ vào số tiền lãi tính đến ngày 16/6/2026 là 264.500.000đ – 33.000.000đ = 234.500.000đ.

Tổng tiền nợ gốc + nợ lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 534.500.000đ, trong đó nợ gốc: 300.000.000đ, nợ lãi 234.500.000đ.

[2.5] Ông H và bà Q đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn từ tháng 9/2022, về tài sản, công nợ chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, số tiền bà L yêu cầu, ông H và bà Q mỗi người phải chịu ½, cụ thể: Ông H và bà Q mỗi người phải trả số tiền là là 267.250.000đ, trong đó gồm nợ gốc là 150.000.000đ, nợ lãi là 117.250.000đ.

[2.6] Trong trường hợp chậm thi hành án: do các bên không có thỏa thuận về lãi suất nên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án là ông H, bà Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn

Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa, bà Q kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Q phải chịu án phí theo quy định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị Q; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2026/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Đinh Thị Q phải chịu 300.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Q đã nộp theo biên lai thu số 0006394 ngày 30/6/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Việt Hùng	**Nguyễn Thị Hằng**	**Phạm Thị Chuyền**